

Số: /BC-SNNMT

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Nội dung chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 (thường lệ) HĐND tỉnh khóa XIII tại Kỳ họp thứ 5 (thường lệ) HĐND tỉnh khóa XIII

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện ý kiến chỉ đạo về việc đề nghị báo cáo nội dung chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 (thường lệ) HĐND tỉnh khóa XIII tại Kỳ họp thứ 5 (thường lệ) HĐND tỉnh khóa XIII tại Văn bản số 158/TTHĐND-VP ngày 16/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai; Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo các nội dung liên quan, như sau:

Nội dung 1: Vấn đề về thủy lợi

Theo Kế hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2031, bám sát mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030. Theo định hướng phát triển thủy lợi được thể hiện xuyên suốt trong các mục tiêu phát triển nông nghiệp, hạ tầng và thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Gia Lai từ nay đến năm 2030. Tại Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2026 - 2030 được thông qua ngày 24/4/2026 và có hiệu lực từ ngày 04/5/2026. Nghị quyết quy định cụ thể các mức hỗ trợ về vật tư, kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm khuyến khích người dân kiên cố hóa hệ thống kênh mương và kênh mương nội đồng giai đoạn 2026 - 2030. Để triển khai văn bản này trên thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cũng đã ban hành Quyết định số 2132/QĐ-UBND (ngày 19/5/2026) phê duyệt kế hoạch thực hiện cụ thể. Qua tiếp xúc cử tri được biết xã Ia Dreh thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thuộc khu vực đặc biệt khó khăn (xã vùng III) đã có đăng ký danh mục đề xuất đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 với nhiều danh mục khác nhau như: Kênh mương, hồ chứa, đập dâng, trạm bơm và nước sạch. Trong đó đối có đăng ký các hạng mục 04 dự án thủy lợi với tổng kinh phí khoảng 35 tỷ đồng gồm: Nâng cấp, sửa chữa Trạm bơm đầu mối xã Ia Rmok cũ (Buôn Gum Góp, xã Ia Dreh) giá trị 5 tỷ. Trạm bơm đầu mối tại Sông Ba (Buôn Ia Klon, xã Ia Dreh - Buôn Blái cũ), Đầu tư mới giá trị 10 tỷ. Trạm bơm đầu mối tại Sông Ba (Buôn Kơ Jing, xã Ia Dreh - Buôn Nai cũ), Đầu tư mới giá trị 10 tỷ. Trạm bơm đầu mối và hệ thống kênh mương cánh đồng Buôn Ji, Đầu tư mới giá trị 10 tỷ. Địa phương đề xuất 04 dự án thủy lợi với tổng kinh phí khoảng 35 tỷ đồng. Đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cho biết, Sở đã tham mưu UBND tỉnh xác định thứ tự ưu tiên đầu tư các công trình này như thế nào để phát huy hiệu quả và tránh đầu tư dàn trải?

Trả lời

1. Về định hướng đầu tư hạ tầng thủy lợi và giải quyết các kiến nghị của cử tri xã Ia Dreh, giai đoạn 2026 - 2030

Hệ thống thủy lợi toàn tỉnh hiện gồm 282 hồ chứa (tổng dung tích 1.453,891 triệu m³), 486 đập dâng, 272 trạm bơm và khoảng 7.813 km kênh mương. Trong đó:

- Khu vực phía Đông: Hạ tầng tương đối đồng bộ, tỷ lệ diện tích cây hàng năm được tưới chủ động đạt 92,1%.

- Khu vực phía Tây (bao gồm huyện Krông Pa): Năng lực thiết kế tưới là 75.911 ha nhưng thực tế mới đạt 53.138 ha (khoảng 70%). Tỷ lệ diện tích đất canh tác được tưới chủ động khoảng 15% (Tưới từ hệ thống thủy lợi khoảng 9%; tưới từ khai thác nước ngầm 6%; 85% còn lại phụ thuộc vào nước mưa. Kênh mương mới kiên cố hóa được 360/1.813 km (19,8%). Nhiều công trình đầu mối đã hoàn thành nhưng thiếu kênh đồng bộ (như hồ Tàu Dầu 2, Ia Rô, Plei Keo, Ia Mor).

Để giải quyết căn cơ tình trạng này, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 phê duyệt Kế hoạch phát triển thủy lợi và nước sạch nông thôn giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035. Theo đó, Kế hoạch xác định nhóm 14 dự án trọng điểm, dự kiến cần khoảng 14.463 tỷ đồng, đồng thời kiên cố hóa khoảng 1.141,82 km kênh mương, kinh phí khoảng 1.601,58 tỷ đồng.

Ngoài ra, các địa phương đề nghị 594 danh mục công trình thủy lợi kênh mương nội đồng, với tổng kinh phí khoảng 304 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030. Riêng năm 2026, dự kiến bố trí 77 danh mục công trình, kinh phí 57,28 tỷ đồng.

- * Trên địa bàn xã Ia Dreh, năm 2026, UBND tỉnh đã bố kinh phí đầu tư sửa chữa các công trình đầu mối Hồ chứa Ia Dreh trong gói 115 tỷ đồng dành cho 05 hồ chứa nguy cơ cao. Hiện đang lập dự án đầu tư, đảm bảo khởi công cuối năm 2026.

Riêng đối với 04 dự án thủy lợi do xã Ia Dreh đề xuất (tổng kinh phí 35 tỷ đồng).

Kết quả rà soát: Sở đã khảo sát đánh giá cả 04 công trình trạm bơm tại xã Ia Dreh đề xuất đầu tư sửa chữa là cấp thiết và đã đưa vào danh mục ưu tiên trong *Đề án Phát triển hạ tầng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gắn với phòng chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030 (Kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt 9/2026)*.

Đồng thời phân kỳ đầu tư theo thứ tự ưu tiên về sự cấp thiết theo quy định của Luật Đầu tư công, Quyết định số 2453/QĐ-UBND tỉnh và Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh để xác định thứ tự ưu tiên.

Theo đó, ưu tiên cao nhất cho vùng đồng bào DTTS và vùng đặc biệt khó khăn (Xã vùng III): Xã Ia Dreh thuộc đối tượng ưu tiên hàng đầu của tỉnh trong việc tiếp cận các nguồn vốn Chương trình MTQG.

2. Đối với Trạm bơm đầu mối tại Sông Ba (Buôn Ia Klon) có thiết kế tưới 150 ha nhưng hiện tại thực tế chỉ phục vụ được 69,71 ha (khoảng 70 ha).

* Nguyên nhân chính: Do công trình đầu mối đã xuống cấp và hệ thống kênh dẫn hạ tầng nội đồng chưa được đầu tư đồng bộ.

Theo Quyết định phân cấp quản lý số 74/2026/QĐ-UBND ngày 31/5/2026 của UBND tỉnh, trạm bơm này thuộc thẩm quyền quản lý, vận hành và bảo vệ trực tiếp của UBND xã Ia Dreh.

Đề nâng cao hiệu quả tưới và phát huy hết công suất thiết kế của Trạm bơm, đề nghị xã khảo sát đề xuất mở rộng hệ thống kênh mương để đề xuất tỉnh bố trí kinh phí trong chương trình kiên cố hóa kênh mương nội đồng năm 2027 (tỉnh hỗ trợ 80%, xã đối ứng 20% theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh).

Nội dung 2: Vấn đề về tỷ lệ sử dụng nước sạch

Hiện nay, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh: 98,9% trong đó: từ công trình cấp nước tập trung: 32,8%; từ công trình cấp nước nhỏ lẻ (giếng khoan, giếng đào được bảo vệ, nước mưa...): 66,1%. Nước hợp vệ sinh: 98,9% hộ gia đình; Nước sạch đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN): chỉ 38,6% hộ gia đình (từ công trình cấp nước tập trung: 30,3% và từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 8,3%). Đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cho biết, vậy theo Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn năm 2025, tỉnh Gia Lai có 98,9% hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh nhưng chỉ 38,6% hộ dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn. Trong khi đó, nhiều địa phương vẫn phải đăng ký đầu tư thêm các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung giai đoạn 2026 - 2030. Nguyên nhân của khoảng cách lớn giữa hai chỉ tiêu này, Sở sẽ tham mưu UBND tỉnh giải pháp gì để nâng tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn trong thời gian tới?

Trả lời

I. Thực trạng công trình và tỷ lệ sử dụng nước hiện nay

Toàn tỉnh có 428 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, với tổng công suất thiết kế khoảng 220.677 m³/ngày đêm, đang cấp nước cho khoảng 172.282/567.954 hộ dân nông thôn (đạt tỷ lệ 30,3%)

+ Phía Đông: có 103 công trình, tổng công suất thiết kế 113.648,0 m³/ngày đêm, công suất khai thác thực tế 31.285,6 m³/ngày đêm (đạt 27,5% so với thiết kế). Các công trình này cấp nước thực tế cho 123.492 hộ dân (đạt tỷ lệ 49,1%) tổng số hộ nông thôn của khu vực (251.598 hộ).

+ Phía Tây: có 325 công trình, tổng công suất thiết kế 107.029,5 m³/ngày đêm, công suất khai thác thực tế 16.697,4 m³/ngày đêm (đạt 15,6% so với thiết kế). Các công trình này cấp nước thực tế cho 48.790 hộ dân (đạt tỷ lệ 15,4%) tổng số hộ nông thôn của khu vực.

II. Nguyên nhân của khoảng cách lớn giữa hai chỉ tiêu

Sở dĩ có sự chênh lệch lớn giữa tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh (98,9%) và nước sạch đạt quy chuẩn (38,6%) là do đây là hai chỉ tiêu độc lập với các tiêu chí

đánh giá hoàn toàn khác nhau theo Bộ chỉ số năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- *Nước hợp vệ sinh (98,9%): Chỉ yêu cầu đáp ứng về mặt cảm quan trực quan (trong, không màu, không mùi, không vị lạ) và đảm bảo khoảng cách an toàn của nguồn nước (giếng đào, giếng khoan gia đình hoặc công trình lọc đơn giản tại thôn, làng). Do đó, tỷ lệ người dân tự khai thác và sử dụng nhóm nước này rất cao (66,1% từ quy mô nhỏ lẻ).*

- *Nước sạch đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - QCVN (38,6%): Yêu cầu khắt khe hơn rất nhiều. Chất lượng nước phải được chứng minh bằng kết quả kiểm nghiệm mẫu thực tế theo Quy chuẩn địa phương hoặc Thông tư số 52/2024/TT-BYT của Bộ Y tế. Các công trình hộ gia đình tự lọc cũng phải đạt yêu cầu xử lý nghiêm ngặt theo quy định của UBND tỉnh.*

* Việc nhiều địa phương tiếp tục đề xuất đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung giai đoạn 2026 - 2030 là nhu cầu hoàn toàn khách quan và cần thiết. Đây là giải pháp căn cơ để chuyển dịch từ "nước hợp vệ sinh" sang "nước sạch đạt quy chuẩn", đồng thời đáp ứng các tiêu chí khắt khe trong Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng Nông thôn mới.

III. Kế hoạch và giải pháp nâng cao tỷ lệ nước sạch đạt quy chuẩn

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 đạt 67,5% hộ gia đình nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn (vượt mục tiêu chung của Chính phủ tại Quyết định số 1978/QĐ-TTg là 65%). Để hiện thực hóa mục tiêu này, các giải pháp cụ thể được triển khai theo lộ trình:

1. Kế hoạch đầu tư hạ tầng trọng điểm năm 2026

Mục tiêu năm 2026 là đưa tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn lên 41,5%. Sở đã tham mưu UBND tỉnh đầu tư các dự án lớn, tập trung mạnh vào khu vực phía Tây Gia Lai với tổng mức đầu tư 332 tỷ đồng:

- Xây dựng mới: Nhà máy nước sạch xã Ia Le, huyện Chư Pưh (12 tỷ đồng).

- Nâng cấp, mở rộng: Nhà máy cấp nước sạch huyện Phú Thiện và huyện Ia Pa (100 tỷ đồng).

- Nâng cấp toàn diện: Nhà máy cấp nước sạch xã Phú Túc, huyện Krông Pa (220 tỷ đồng).

2. Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 về Kế hoạch phát triển thủy lợi và nước sạch nông thôn với các nguồn lực, cụ thể:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: Đầu tư 532,4 tỷ đồng cho 29 danh mục công trình nước sạch tập trung.

- Nguồn vốn các Chương trình MTQG (Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS & miền núi): Đầu tư 242 tỷ đồng cho 88 danh mục công trình do các địa phương đề xuất (riêng năm

2026 dự kiến bố trí 20 tỷ đồng cho 17 công trình).

3. Giải pháp:

Ngoài việc đầu tư các nhà máy nước sạch nông thôn, UBND các xã phường tập trung tuyên truyền vận động để người dân đầu nối, sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn từ các nhà máy hiện có nhưng chưa hoạt động hết công suất (nhất là khu vực phía Tây hiện mới khai thác đạt 15,6% công suất thiết kế).

Trong năm 2026 vận động thêm ít nhất 22.243 hộ dân đầu nối sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung. (Nhằm tăng tỷ lệ số hộ sử dụng, vừa nâng cao hiệu suất khai thác, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư)

- Tăng cường tần suất xét nghiệm mẫu nước định kỳ tại các nhà máy, đảm bảo nước đầu vòi của người dân luôn đạt tiêu chuẩn QCVN của Bộ Y tế.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Chi cục Thủy lợi, Trung tâm NSNT;
- Lưu: VT, KHTC_(Quy).

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Thương